

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010

Trụ sở chính:

Áp 1B, Xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0650 3791038

Fax: 0650 3791037

Website : www.miraejsc.com.vn

Chi nhánh Hưng Yên :

Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321 3974 170

Fax: 0321 974 172

MỤC LỤC

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
1.1.	Những sự kiện quan trọng	3
1.2.	Quá trình phát triển.....	5
1.3.	Định hướng phát triển.....	6
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
2.1.	Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	8
2.2.	Tình hình thực hiện năm 2010 so với kế hoạch.....	9
2.3.	Triển vọng và kế hoạch kinh doanh năm 2011.....	10
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	12
3.1.	Báo cáo tình hình tài chính	12
3.2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
3.3.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được.....	16
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	18
4.1.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	18
4.2.	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010.....	20
4.3.	Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2010 (Theo phương pháp gián tiếp)	21
V.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	22
5.1.	Kiểm toán độc lập.....	22
5.2.	Kiểm toán nội bộ:	23
VI.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	24
VII.	TỔ CHỨC NHÂN SỰ	24
7.1.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	24
7.2.	Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	26
VIII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
8.1.	Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	29
8.2.	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	41
8.3.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn đến 03/2011:	41
IX.	CÁC THÔNG TIN KHÁC.....	43

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Những sự kiện quan trọng

Thành lập:

Công ty Cổ phần Mirae tiền thân là Công ty TNHH Mirae Fiber VN, chính thức thành lập ngày 15/11/2001. Công ty TNHH Mirae Fiber VN có chủ đầu tư là Công ty TNHH Mirae Fiber Technology Co., Ltd. Điểm qua quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Mirae có các cột mốc đáng nhớ như sau:

Ngày 15/11/2001, Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Bình Dương được thành lập lấy tên là Công ty TNHH Mirae Fiber VN theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD với mức vốn đầu tư đăng ký là 950.000 đô la Mỹ, vốn pháp định là 650.000 đô la Mỹ, thời hạn hoạt động là 44 năm;

Ngày 20/02/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 1.900.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC1-KCN-BD, vốn pháp định là 950.000 đô la Mỹ;

Ngày 18/06/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 2.050.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC2-KCN-BD. Vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;

Ngày 23/06/2003, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 3.500.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC3-KCN-BD, vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;

Ngày 25/11/2004, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chuẩn y việc thay đổi giấy phép đầu tư số 130B/GP-KCN-BD về việc điều chỉnh vốn đầu tư, theo đó vốn đầu tư đăng ký mới là 8.182.370 đô la Mỹ, vốn pháp định là: 2.500.000 đô la Mỹ;

Ngày 10/12/2004, Chi nhánh của Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Hưng Yên tách ra hoạt động độc lập theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD-GPĐC1-HY;

Ngày 29/11/2005, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp giấy phép điều chỉnh số 130B/GPĐC2 -KCN-BD với vốn đầu tư là 10.282.370 đô la Mỹ, Vốn pháp định là 3.760.000 đô la Mỹ;

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần:

Theo tinh thần của Nghị định 101/2006/NĐ-CP ban hành ngày 21/09/2006 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty TNHH Mirae Fiber VN đã thực hiện chuyển đổi mô hình

hoạt động. Ngày 06/07/2007, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 do UBND Tỉnh Bình Dương chuẩn y việc chuyển nhượng vốn và thành lập công ty cổ phần với mức vốn điều lệ đăng ký là 116.820.660.000 đồng, tương đương 7.260.000 đô la Mỹ. Và hình thức chuyển đổi là “Giữ nguyên giá trị doanh nghiệp và bán một phần vốn của chủ đầu tư”. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 06/07/2007.

Ngày 28/11/2007, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ nhất giấy phép đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tương đương 8.260.000 đô la Mỹ.

Ngày 26/12/2008, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ ba giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tương đương 8.260.000 đô la Mỹ.

Ngày 26/01/2010, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ tư giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 273.041.890.000 đồng, tương đương 16.968.609 đô la Mỹ.

Ngày 08/09/2010, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ tư giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 324.511.870.000 đồng, tương đương 20.167.290 đô la Mỹ.

Kể từ khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần, Công ty đã liên tục tăng trưởng, không ngừng đầu tư mở rộng sản xuất và ngày càng lớn mạnh. Với những nỗ lực vượt qua khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn hoạt động sản xuất ổn định và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước.

Niêm yết:

Ngày 30/06/2008, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mirae đã chính thức giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã KMR. Số lượng cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là 7.236.850 cổ phần, tương đương trị giá là 72.368.500.000 đồng. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 60.000 đồng/cổ phiếu.

Hợp nhất với Công ty cổ phần Mirae Fiber:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc hợp nhất kinh doanh với Công ty Cổ phần Mirae Fiber thông qua nghiệp vụ hoán đổi cổ phiếu để sở hữu 100% giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ Phần Mirae Fiber. Công ty đã phát hành thêm

14.017.123 cổ phiếu cho việc hợp nhất kinh doanh này, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 273.041.890.000 đồng.

 **Niêm yết bổ sung:**

Ngày 12 tháng 02 năm 2010, 14.017.123 cổ phiếu phát hành thêm do hợp nhất với Công ty cổ phần Mirae Fiber đã được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM, nâng tổng số cổ phiếu KMR niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM là 21.253.973 cổ phiếu.

Ngày 06/08/2010, 4.076.111 cổ phiếu do phát hành thêm để thưởng cho cổ đông hiện hữu theo Thông báo số 519/TB-SGDHCM, đã được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM, nâng tổng số cổ phiếu KMR niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM là 25,330,084 cổ phiếu.

1.2. Quá trình phát triển

 **Ngành nghề kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 thay đổi lần thứ nhất do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/11/2007, chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 26/12/2008 ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Mirae như sau:

- Sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm gòn, tấm chằng gòn, gòn kim, vải địa kỹ thuật nguyên phụ liệu may mặc;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh túi ngủ, chăn, khăn trải giường, gối, nệm;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may;
- Lắp ráp máy móc thiết bị các loại làm gòn, nệm, chằng gòn, nệm, lò xo, máy thêu;
- Sản xuất nệm lò xo;
- Thực hiện quyền nhập khẩu nệm lò xo và máy móc thiết bị làm gòn, nệm, chằng gòn, nệm lò xo.

 **Tình hình hoạt động:**

Hiện nay, Công ty đang sản xuất, gia công và kinh doanh các nhóm sản phẩm chính là: tấm bông, tấm bông xam kim, tấm bông chần, tấm bông dán, bông hạt, bông sợi, các nguyên phụ liệu ngành dệt may... Nguyên liệu bông hóa học chủ yếu được nhập khẩu, sau đó được xử lý chế biến qua các dây chuyền sản xuất các loại tấm bông cao cấp (Padding) và dây chuyền sản xuất các loại tấm bông chần, tấm bông dán (Quilting và Bonding). Công nghệ sản xuất khép kín, hiện đại, được nhập khẩu chủ yếu từ Hàn Quốc, kết hợp với các chất phụ gia cần thiết để tạo ra các sản phẩm, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về hoá, lý, cũng như hình thức tùy theo yêu cầu của khách hàng. Với các loại sản phẩm được sản xuất qua dây chuyền Padding như tấm bông, tấm bông xam kim, bông hạt, bông sợi phải đảm bảo độ trắng, độ mịn, xốp, đàn hồi và độ bền vật lý. Các sản phẩm

sản xuất theo dây chuyền Quilting như tấm bông chăn phải đạt được yêu cầu về hình thức và chất lượng theo đơn đặt hàng của các đối tác.

Sản phẩm của Công ty là nguyên liệu đầu vào của ngành may mặc xuất khẩu như các loại áo jacket, áo thể thao..., và ngành chăn, gối, đệm. Do vậy, mỗi loại sản phẩm phải đảm bảo tiêu chuẩn gắt gao theo yêu cầu của khách hàng. Các sản phẩm mang nhãn hiệu “Unifil” và “VivaBon” đã được Công ty Mirae Fiber Tech., Ltd đăng ký bản quyền nhãn hiệu sản phẩm và cho phép Công ty Cổ phần Mirae Fiber được sử dụng các nhãn hiệu này. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào thị trường may mặc xuất khẩu tại Việt Nam, Công ty cung ứng tới 70% tổng sản phẩm sản phẩm cho các công ty may nước ngoài đặt tại Việt Nam như World Best, Global MGP, Habitek, Beeahn, Hanil, Everpia VietNam... Với thị trường xuất khẩu là các nước có nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc lớn như: Mỹ, Canada, Hàn Quốc, Đan Mạch...

Bên cạnh các hoạt động sản xuất chính kể trên, Công ty còn kinh doanh các loại bông phế phẩm và một số phụ liệu cho ngành may mặc. Mặc dù, đây không phải là ngành sản xuất kinh doanh chính nhưng cũng mang lại một nguồn thu đáng kể và tạo điều kiện cho Công ty tận dụng tốt các sản phẩm thừa nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Từ năm 2008, Công ty đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất lắp ráp các hệ thống máy móc trong ngành may mặc như máy làm nệm... Theo đơn đặt hàng của khách hàng, công ty thực hiện nhập khẩu các bộ phận điều khiển, điện tử từ Hàn Quốc, Trung Quốc rồi thực hiện gia công cơ khí, lắp ráp tại xưởng cơ khí của công ty. Khách hàng chính của công ty là các đơn vị sản xuất nệm trong nước như Việt Thắng Hải Phòng, Công ty cổ phần Siêu Việt Hà Nội.

1.3. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trải qua quá trình gần 10 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Mirae đã dần khẳng định được vị trí của mình trong ngành sản xuất nguyên vật liệu cung ứng cho ngành may mặc. Từ vị thế là một chi nhánh của Công ty cổ phần Mirae Fiber Tech của Hàn Quốc tại Việt nam, chỉ sản xuất theo các đơn hàng cung cấp nguyên liệu gòn của Công ty mẹ, đến nay, Công ty đã trở thành một công ty độc lập, là một trong những nhà cung cấp nguyên liệu gòn lớn nhất cho ngành may mặc Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang các nước khác. Hơn nữa, tận dụng các lợi thế nguyên phụ liệu đầu vào, Công ty đã bắt đầu phát triển ngành hàng chăn, ga, gối, đệm từ năm 2008.

Sau khi hoàn thiện việc sáp nhập với Công ty cổ phần Mirae Fiber tại tỉnh Hưng Yên ở Phía Bắc, Công ty trở thành công ty hàng đầu cung cấp sản phẩm padding lớn nhất Việt Nam. Với qui mô hoạt động mở rộng và các nguồn lực dồi dào, lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn đề ra các mục tiêu phát triển cao hơn để đưa Mirae trở thành một doanh nghiệp

hàng đầu trong mọi ngành nghề hoạt động của Công ty, bao gồm không chỉ có ngành chủ lực là sản xuất gòn, mà còn cả các ngành sản xuất chăn, ga, gối, đệm và đặc biệt là ngành sản xuất máy móc thiết bị và cung cấp bông sợi cho các nhà máy sản xuất đệm.

 ***Chiến lược phát triển trung và dài hạn***

Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất tấm bông cao cấp các loại, sản xuất các sản phẩm chăn ga, gối, đệm, sản xuất máy móc thiết bị và cung cấp bông sợi cho các nhà máy sản xuất đệm. Công ty đã và đang có kế hoạch mở rộng thị phần bằng cách mở các đại lý độc quyền, hình thức giao hàng đến tận nhà nhằm phân phối các sản phẩm chăn, ga, gối đệm và tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước. Sản phẩm của Công ty phần lớn được xuất khẩu sang các nước Châu Âu và Hàn Quốc. Hiện nay, Công ty cũng đang hướng tới việc mở rộng thị trường sang các nước Campuchia và Indonesia.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.**

Kinh tế thế giới năm 2010 mặc dù đang phục hồi sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và có những chuyển biến tích cực, song nhìn chung chưa thực sự ổn định và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế nước ta. Tuy nhiên với quyết tâm cao của cả nước, Việt Nam được đánh giá là một trong những nước sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi nhanh sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 ước tính tăng 6,78% so với năm 2009, trong đó quý I tăng 5,84%; quý II tăng 6,44%; quý III tăng 7,18% và quý IV tăng 7,34%. Đây là mức tăng khá cao so với mức tăng 6,31% của năm 2008 và cao hơn hẳn mức 5,32% của năm 2009, vượt mục tiêu đề ra 6,5%. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010, con số này ước tăng 14% so năm trước và cao hơn kế hoạch năm (12%). Giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm, thủy sản cả năm 2010 ước tăng 4,69% so năm trước, trong đó nông nghiệp tăng 4,24%, lâm nghiệp tăng 4,6%, thủy sản tăng 6,05%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính chung cả năm 2010 ước đạt hơn 1.561,6 nghìn tỷ đồng, tăng 24,5% so với năm 2009. Thu ngân sách Nhà nước tính từ đầu năm đến ngày 15/12 ước đạt 504,4 nghìn tỷ đồng, bằng 109,3% dự toán năm.

Bên cạnh những thành tựu chung thì nhìn lại năm 2010, nền kinh tế cũng bộc lộ nhiều vấn đề. Kinh tế vĩ mô vẫn thiếu nền tảng vững chắc, chất lượng tăng trưởng thấp, tiềm ẩn không ít bất trắc, nếu không sớm khắc phục có thể ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định trong những năm tiếp theo. Quốc hội đặt chỉ tiêu lạm phát 2010 dự kiến ở mức 7-7,5%. Sau 6 tháng, trước tình hình giá thế giới biến động, giá cả đầu vào nhiều loại nguyên liệu tăng bất thường, mức lạm phát được điều chỉnh lên 8,5%/năm. Tuy nhiên, diễn biến 3 tháng cuối, nhất là tháng 11 đã khiến tất cả các cơ quan điều hành phải bất ngờ, khi mới chỉ 11 tháng, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã lên tới 9,58%. Lạm phát tháng cuối năm của hai thành phố lớn là (Hà Nội và TP.HCM) lần lượt là 1,83% và 1,61%. Lạm phát năm 2010 tới 11,75%. Như vậy, trong vòng bốn năm qua, có tới ba năm lạm phát ở mức hai con số (năm 2007 là 12,63%; năm 2008 là 22,97%). Việc CPI năm 2010 lên hai con số tạo nên bão giá, khiến doanh nghiệp và người dân đều gặp khó khăn.

Năm 2010 cũng là năm đầy biến động với việc bùng nổ cơn sốt lãi suất huy động với việc chạy đua tăng lãi suất của các ngân hàng, mặc dù đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh, xử lý nhưng cũng cho thấy vấn đề quản lý vẫn còn chậm, chưa chủ động trong việc dự đoán tình hình để chỉ đạo. Năm 2010 cũng là năm thị trường vàng có những cơn sốt kinh ngạc. Mặc dù tỷ suất lợi nhuận đầu tư vào vàng năm qua đạt khoảng 38%. Tuy nhiên, điều này về tổng thể không có lợi cho nền kinh tế, bởi nó không những không tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, nó còn góp phần làm méo mó dây chuyền sang các thị trường khác như USD, nhà đất và chứng khoán.

Theo đúng định hướng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010, công ty tiếp tục tập trung phát triển các mặt hàng là thế mạnh của doanh nghiệp như: bông tấm, đồng thời tiếp tục phát triển các mặt hàng đã được đầu tư trong năm 2009 như: chăn, ga, gối, đệm... Tổng doanh thu thuần năm 2010 tăng cao so với năm 2009, tăng 104,07% so với năm 2009. Doanh thu sản phẩm Padding và Bedding tăng 18,44% so với năm 2009. Sự tăng trưởng cao của doanh thu công ty trong năm 2010 một phần là do sự sát nhập thành công của Công ty với Công ty cổ phần Mirae Fiber trong năm 2009, nhưng phần lớn khác là do sự chỉ đạo sáng suốt của ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực và đoàn kết của cán bộ công nhân viên. Đây chính là đội ngũ nòng cốt sẽ đảm bảo cho sự phát triển của Công ty Cổ phần MIRAE.

2.2. Tình hình thực hiện năm 2010 so với kế hoạch.

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Thực hiện/kế hoạch	So với năm 2009
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	189,42	410,08	404,70	98,69%	113,65%
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	273,04	324,51	324,51	100,00%	18,85%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	29,48	47,24	36,45	77,16%	23,64%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (%)	15,56%	11,52%	9,01%	78,18%	-42,13%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ (%)	10,80%	14,56%	11,23%	77,16%	4,03%

Doanh thu năm 2010 đạt 98,69% so với kế hoạch và tăng 113,65% so với năm 2009, lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 77,16% so với kế hoạch và tăng 23.64% so với năm 2009 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu tăng trưởng mạnh so với năm 2009 là do: sự hợp nhất giữa Công ty và Công ty cổ phần Mirae Fiber, đưa Mirae trở thành nhà cung cấp các sản phẩm padding lớn nhất thị trường Việt Nam. Và do sự hồi phục của nền kinh tế trong nước giúp ngành sản xuất mặt hàng tiêu dùng tăng trưởng trở lại.
- Tuy nhiên lợi nhuận của doanh nghiệp tăng không như kỳ vọng và không tương xứng với mức tăng của doanh thu: do giá vốn hàng bán tăng mạnh so với năm 2009: năm 2010 chiếm 72,17% so với doanh thu thuần trong khi năm 2009 chỉ chiếm 65,01% so với doanh thu thuần. Sự gia tăng của giá vốn là do: sự gia tăng trong chi phí nguyên vật liệu, vận chuyển và chi phí sản trực tiếp sản xuất như: lương, điện... Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng gia tăng so với năm 2009: tăng 8,27%.

Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2010 tăng 18,96% so với tại thời điểm 31/12/2009. Trong năm 2010, vốn điều lệ của doanh nghiệp tăng 18,85% so với năm 2009, do doanh nghiệp tiến hành phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn: quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn...

2.3. Triển vọng và kế hoạch kinh doanh năm 2011.

2.3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011 (đồng)
Vốn điều lệ	324.511.870.000
Doanh thu bán hàng hóa	456.084.000.000
Bông tấm + Bông chăn (Padding, Quilting)	301.001.500.000
Chăn, ga, gối (Bedding)	32.533.500.000
Nệm lò xo (spring mattress)	12.300.000.000
Nệm padding (padding mattress)	32.287.500.000
Sợi (Fiber)	11.275.000.000
Sản xuất và lắp ráp máy móc (Machine)	66.686.500.000
Sản phẩm khác	-
Lợi nhuận sau thuế	49.487.000.000
Tỷ lệ lợi nhuận/vốn điều lệ	15,25%
Tỷ lệ cổ tức	10,00%

2.3.2. Thuận lợi và khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- **Thuận lợi:** Bộ máy cán bộ lãnh đạo và quản lý của Công ty từ HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát, quản lý các bộ phận trực thuộc đều có nhiều kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo và điều hành, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Đội ngũ cán bộ và nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, có ý thức trách nhiệm và rất hăng say trong công việc được phân công. Quá trình ổn định kinh doanh sau sáp nhập đã hoàn thiện, trong năm 2011, công ty có nhiều điều kiện cả về con người, trình độ công nghệ và tài chính để nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh.
- **Khó khăn: Những rủi ro về vĩ mô:** Nguy cơ lạm phát bùng phát trở lại khi những tháng cuối năm 2010 và đầu năm 2011, lạm phát liên tục tăng cao. Cũng trong Quý I năm 2011, chính phủ đã nhấn mạnh “kiềm chế lạm phát là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu hiện nay”, bên cạnh đó sự bất ổn trong tỷ giá, lãi suất... sẽ là những khó khăn trọng yếu khiến cho doanh nghiệp trong năm 2011 có thể sẽ không đạt

được doanh thu như năm 2010.

2.3.3. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2011:

- Sản xuất kinh doanh:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm của các mặt hàng chủ lực: Padding và Quilting: Nâng cấp hệ thống dây chuyền sản xuất với việc đầu tư mua mới các máy móc thiết bị hiện đại. Hiện đại hóa quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng tại các nhà xưởng để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục phát triển mạng lưới sản phẩm tại Miền Bắc: Tiếp tục thực hiện chiến lược marketing về thương hiệu VivaBon để thâm nhập thị trường, phát triển việc sản xuất mặt hàng này tại Chi nhánh Hưng Yên để giảm chi phí cho sản phẩm khi thâm nhập vào thị trường Miền Bắc.
- Tại khu vực Miền Nam và Miền Trung là nơi doanh nghiệp đã có vị thế nhất định tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp sản phẩm và bảo hành sản phẩm để giữ vững lượng khách hàng hiện có và mở rộng mạng lưới sản phẩm để cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp khác.

- Công tác quản lý nguồn nhân lực:

- Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong môi trường cạnh tranh, bộ máy quản lý và điều hành của Công ty phải quán triệt nguyên tắc gọn nhẹ; đội ngũ cán bộ, nhân viên phải chuyên nghiệp, làm việc phải có hiệu quả và đạt chất lượng phục vụ cao. Với định hướng này, HĐQT Công ty đã xem xét kỹ lưỡng việc xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự. Lựa chọn và bổ nhiệm các vị trí quản lý chủ chốt của Công ty nhằm tạo điều kiện cho Công ty triển khai thuận lợi các hoạt động nghiệp vụ, có đủ khả năng và tư cách tiếp xúc đàm phán với các đối tác và khách hàng chiến lược. Duy trì các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công nhân viên để thu hút nguồn nhân lực tài năng, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp.
 - Với tổng số cán bộ quản lý và nhân viên hiện có 396 người, được phân bổ hợp lý tại văn phòng, các chi nhánh và nhà máy giúp Công ty triển khai tốt các nhiệm vụ kinh doanh và dịch vụ theo đúng chương trình kế hoạch. Tất cả đều có ý thức trách nhiệm trong công việc, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công.
- Các dự án đầu tư:** Theo đúng chủ trương được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2008, Hội đồng quản trị tiếp tục xem xét các điều kiện kinh doanh của Doanh nghiệp, điều kiện về tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để thực hiện việc phát hành và niêm yết 8 triệu đô la Mỹ tại thị trường chứng khoán KOSDAQ của Hàn Quốc.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3.1. Báo cáo tình hình tài chính

3.1.1. Các hệ số tài chính

Chỉ Tiêu	2009	2010
Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH) (lần)	1,49	1,93
Hệ số thanh toán nhanh [(TSNH-HTK)/NNH] (lần)	1,11	1,52
Hiệu quả sử dụng tài sản		
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân trong kỳ) (lần)	3,49	4,70
Kỳ thu tiền bình quân [365/(DTT/các khoản phải thu bình quân trong kỳ)] (ngày)	210,37	172,38
Hệ số vòng quay khoản phải thu (DTT/các khoản phải thu bình quân trong kỳ) (lần)	1,74	2,12
Hiệu quả sử dụng tài sản cố định (DTT/TSCĐ bình quân trong kỳ) (lần)	0,94	1,75
Vòng quay toàn bộ tài sản (DTT/TTS bình quân trong kỳ) (lần)	0,48	0,71
Cơ cấu nguồn vốn		
Hệ số nợ - Tổng nợ/TTS (%)	30,15%	29,55%
Nợ ngắn hạn/Tổng nợ (%)	90,22%	94,27%
Nợ dài hạn/Tổng nợ (%)	9,78%	5,73%
Tổng nợ/VCSH (lần)	0,43	0,42
Hệ số nợ dài hạn trên VCS (NDH/TTS) (%)	0,04	0,02
Hệ số nợ dài hạn trên TTS (NDH/VCSH) (%)	0,03	0,02
Hiệu quả hoạt động kinh doanh		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần – ROS (LNST/DTT) (%)	15,56%	9,01%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản – ROA (LNST/TTS bình quân) (%)	7,47%	6,43%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu – ROE (LNST/VCSH bình quân) (%)	10,73%	9,17%
Lợi nhuận từ HĐKD/DTT (%)	19,42%	12,58%

3.1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

Tài sản (VNĐ)	31/12/2010	Nguồn vốn (VNĐ)	31/12/2010
I.Tài sản ngắn hạn	330.073.271.119	I.Nợ phải trả	181.264.614.080
II.Tài sản dài hạn	283.275.216.625	II.Vốn chủ sở hữu	432.083.873.664
Tổng cộng	613.348.487.744	Tổng cộng	613.348.487.744

3.1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông:

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2010, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 100:20. Tuy nhiên, một nhóm cổ đông gồm các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn của MIRAE với lý do gắn kết trách nhiệm với Công ty và đóng góp lâu dài cho Công ty nên tự nguyện xin nhận tỷ lệ cổ phiếu thưởng là 17,7% (100:17,7), chuyển quyền nhận tỷ lệ cổ phiếu thưởng 2,3% (100:2,3) cho các cổ đông còn lại. Nâng vốn điều lệ của Công ty lên 324.511.870.000 đồng.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2010:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 32.451.187 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 32.451.187 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh: 25.330.084 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 1.569.791 cổ phiếu
- Công ty không phát hành loại trái phiếu nào.

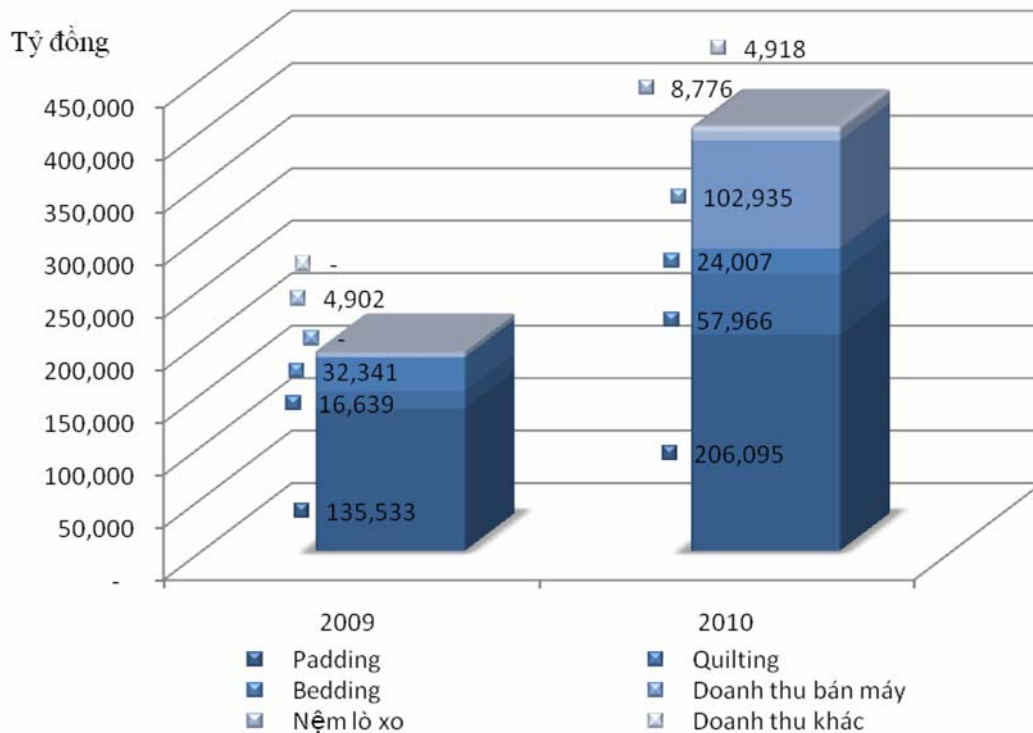
3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Cơ cấu doanh thu	2009		2010		Tăng trưởng
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ	%	%
DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.415.174.031	100,00%	404.696.088.287	100,00%	113,66%
Padding	135.533.047.765	71,55%	206.095.078.249	50,93%	52,06%
Quilting	16.638.655.631	8,78%	57.966.341.401	14,32%	248,38%
Bedding	32.341.054.502	17,07%	24.006.516.721	5,93%	-25,77%
DT bán máy	0	0,00%	102.934.850.000	25,44%	
Nệm lò xo	4.902.416.133	2,59%	8.775.630.178	2,17%	79,01%
Doanh thu khác	0	0,00%	4.917.671.738	1,22%	

Trong năm 2010, doanh thu thuần của Công ty đạt 404.696.088.287 VNĐ, tăng 113,66% so với năm 2009. Trong đó, tăng mạnh nhất là mặt hàng Quilting với mức tăng năm 2010 so với 2009 là 248,38%, kế tiếp là nệm lò xo tăng 79,01%, rồi đến Padding 52,06%. Bên cạnh đó, doanh thu của doanh nghiệp tăng mạnh còn do: doanh thu bán máy của doanh nghiệp trong năm 2010 đạt trên 102 tỷ đồng.

Biểu đồ cơ cấu doanh thu của Công ty:



Trong năm 2010, cơ cấu doanh thu của Công ty có sự chuyển biến so với năm 2009, doanh thu của công ty tập trung vào ba mảng chính: Padding, Doanh thu bán máy và Quilting. Padding đóng góp lớn nhất cho doanh thu thuần, chiếm 50,93% trong tổng doanh thu thuần, giảm mạnh so với năm 2009 – 71,55%. Tiếp theo là doanh thu bán máy chiếm 25,44%. Sau đó là doanh thu hàng Quilting chiếm 14,32% trong tổng doanh thu thuần tăng so với năm 2009 – 8,78%. Doanh thu ba mặt hàng chính của doanh nghiệp: padding, quilting và bedding chiếm 71,18% so với doanh thu thuần giảm mạnh so với năm 2009 – 97,41%. Nếu loại bỏ doanh thu bán máy trong năm 2010 thì doanh thu thuần của doanh nghiệp chỉ tăng 59,31% so với năm 2009.

3.2.2. Nguyên vật liệu và chi phí sản xuất

Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của Công ty là các loại bông hóa học được sản xuất bằng công nghệ cao đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật. Loại cao cấp nhất là loại bông dạng ống có lỗ ở giữa từng sợi bông (có từ 1 đến 4 lỗ), có tác dụng giữ nhiệt mà bông tự nhiên không thể đáp ứng được, để sản xuất quần áo jacket, quần áo thể thao, thú nhồi bông và chăn, ga, gối, đệm. Tùy theo yêu cầu kỹ thuật của mỗi loại sản phẩm mà

Công ty sử dụng các loại bông nguyên liệu khác nhau. Có thể kể ra loại bông nguyên liệu đầu vào chính được sử dụng: Bông PE 7Dx64 mm; 3Dx51mm, 6Dx51mm, 7Dx32mm/có silicon, không có silicon... Ngoài các nguyên liệu chính, Công ty còn sử dụng các loại nguyên liệu phụ khác để tạo ra các loại sản phẩm khác nhau, các loại nguyên liệu phụ được sử dụng là: keo polyme acrylic, chỉ may các loại, ny lông...

Nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất chủ yếu đ ược nhập từ nước ngoài (Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan,...), đảm bảo yêu cầu về chất lượng và đa dạng về chủng loại. Hàng năm, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ to lớn từ cổ đông sáng lập (Mirae Fiber Tech Co., Ltd) trong vi ệc dự báo tình hình thị trường, nhu cầu và khối lượng các đơn đặt hàng để từ đó có kế hoạch nhập khẩu v à dự trữ nguyên vật liệu tối ưu, đáp ứng đầy đủ nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong những năm gần đây, Công ty đã tích cực tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu trong nước để thay thế cho nhập khẩu, tuy nhiên số lượng các nhà cung cấp trong nước còn rất ít, khả năng cung cấp chỉ đáp ứng đ ược khoảng 5% nhu cầu nguyên vật liệu của Công ty.

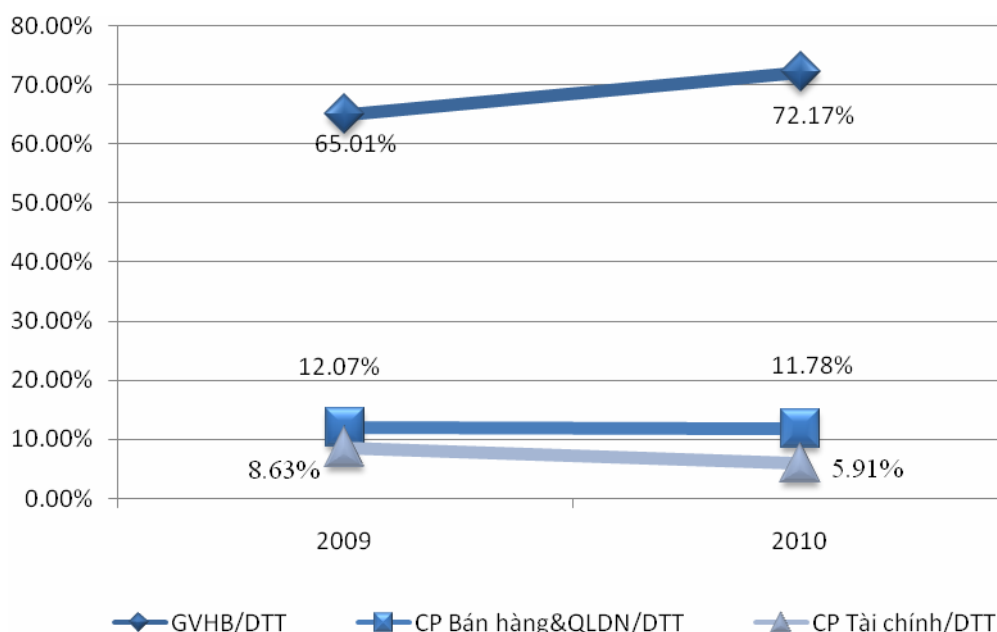
Một trong những yếu tố quan trọng ảnh h ưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty là giá mua nguyên vật liệu và sự biến động tăng, giảm của nó. Đối với giá mua nguyên vật liệu, Công ty luôn đảm bảo đ ược sự ổn định về giá mua bằng việc ký kết hợp đồng với các đối tác cung ứng truyền thống thông qua Mirae Fiber Tech Co., Ltd (tại Hàn Quốc), hầu hết các đối tác này đã có quan hệ kinh tế lâu năm với Mirae Fiber Tech Co., Ltd.

Cơ cấu chi phí sản xuất của doanh nghiệp trong năm 2010:

Chi phí	2009		2010	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
GVHB	123.133.744.214	65,01%	292.063.582.300	72,17%
Chi phí Bán hàng	8.206.708.851	4,33%	23.832.556.117	5,89%
Chi phí QLDN	14.650.505.380	7,73%	23.856.524.308	5,89%
Chi phí Tài chính	16.349.025.537	8,63%	23.904.009.738	5,91%
TỔNG	162.339.983.982	85,71%	363.656.672.463	89,86%
Doanh thu thuần	189.415.174.031		404.696.088.287	

Xét một cách tương đối chi phí của Doanh nghiệp trong năm 2010 biến động không mạnh so với năm 2009, nếu so với doanh thu thuần chỉ tăng từ 85,71% - 2009 lên 89,86% trong năm 2010. Trong đó tỷ trọng giá vốn hàng bán và doanh thu thuần năm 2010 tăng lên 72,17% tăng từ 65,01% so với năm 2009. Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2010 tăng lên 5,89% từ 4,33% năm 2009. Còn hai tỷ trọng: chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính trên doanh thu thuần năm 2010 so với năm 2009 có sự

suy giảm nhẹ, lần lượt là: 5,89%; 5,91%. Giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng tăng do doanh nghiệp sau khi sát nhập với CTCP Mirae Fiber, Công ty tiến hành mở rộng thị trường ra khu vực phía bắc và sự tăng giá trở lại của đầu vào. Các chi phí khác Công ty giữ ở mức độ hợp lý đáp ứng với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, có chính sách tài chính hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo tính cân bằng trong cơ cấu nguồn vốn và khả năng thanh toán.

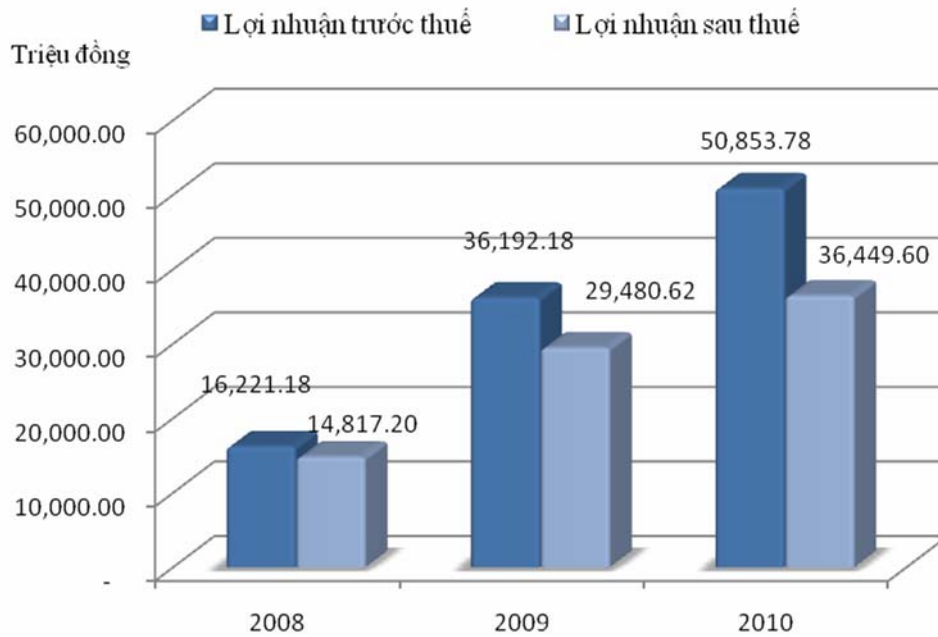


3.2.3. Lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 Công ty đạt 36.449.597.894 đồng, mặc dù không đạt được lợi nhuận đề ra theo kế hoạch đầu năm, nhưng lợi nhuận công ty đã tăng 23,64% so với năm 2009. Việc lợi nhuận không đạt được như kỳ vọng và các chỉ số ROA, ROS và ROE đều suy giảm là do những khó khăn vốn có của nền kinh tế và việc nguồn vốn đầu tư để mở rộng sản xuất, nhà máy mới đang trong quá trình đầu tư nên chưa đem lại lợi nhuận như kỳ vọng.

Chỉ tiêu	2009	2010	So với năm trước (%)
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	29.480.621.631	36.449.597.894	23,64%
Tỷ suất LNST/TTS (%)	7,47%	6,43%	-13,93%
Tỷ suất LNST/DT thuần (%)	15,56%	9,01%	-42,13%
Tỷ suất LNST/VCSH (%)	10,73%	9,17%	-14,58%

Xét trong giai đoạn 2008-2010, cả lợi nhuận sau thuế và trước thuế của doanh nghiệp có xu hướng tăng trưởng, với mức bình quân trong giai đoạn này tương ứng là: 61,30%; 81,81%.



3.3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

- Xây dựng hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức theo mô hình công ty cổ phần gọn nhẹ và hiệu quả;
- Ban hành các quy chế, nội quy lao động đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty;
- Đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ công nhân viên về trình độ ngoại ngữ, trình độ chuyên môn;

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

4.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010

STT	TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		330.073.271.119	210.414.853.705
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.133.126.057	10.686.504.094
1	Tiền	111	3	14.133.126.057	10.686.504.094
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241.171.994.789	141.075.187.155
1	Phải thu khách hàng	131	4	226.972.558.591	124.534.891.136
2	Trả trước cho người bán	132	4	17.582.369.068	10.378.093.854
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5	Các khoản phải thu khác	138	5	1.943.728.651	9.994.650.416
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5.326.661.521)	(3.832.448.251)
IV	Hàng tồn kho	140	6	70.269.356.414	54.042.266.952
1	Hàng tồn kho	141		70.875.066.946	54.463.376.628
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(605.710.532)	(421.109.676)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.498.793.859	4.610.895.504
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		819.395.868	359.814.519
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.875.264.822	2.478.182.264
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		1.169.977.761	1.094.256.423
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		634.155.408	678.642.298
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		283.275.216.625	309.591.237.795
I	Các khoản phải thu dài hạn	210			
II	Tài sản cố định	220		213.547.127.729	249.892.538.559
1	Tài sản cố định hữu hình	221	7	198.678.823.776	218.353.213.561
	- Nguyên giá	222		304.468.249.449	302.968.790.893
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(105.789.425.673)	(84.615.577.332)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3	Tài sản cố định vô hình	227	8	44.412.384	15.801.213.397
	- Nguyên giá	228		82.443.200	17.267.514.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(38.030.816)	(1.466.300.603)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	14.823.891.569	15.738.111.601
III	Bất động sản đầu tư	240			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3	Đầu tư dài hạn khác	258	10	8.400.000.000	8.400.000.000
4	Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn (*)	258		(8.400.000.000)	(8.400.000.000)
V	Tài sản dài hạn khác	260		69.728.088.896	59.698.699.236
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	65.970.713.025	56.586.540.302
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.665.483.141	3.029.685.043
3	Tài sản dài hạn khác	268		91.892.730	82.473.891
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		613.348.487.744	520.006.091.500

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		181.264.614.080	156.777.053.825
I	Nợ ngắn hạn	310		170.875.428.440	141.444.092.240
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	12	110.211.156.389	105.290.570.328
2	Phải trả người bán	312	13	21.786.915.464	14.349.967.012
3	Người mua trả tiền trước	313	13	3.229.964.115	1.369.505.534
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	14	27.554.977.261	16.225.700.224
5	Phải trả người lao động	315		3.029.621.708	2.277.642.020
6	Chi phí phải trả	316	15	1.476.012.831	1.197.811.682
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	16	1.568.210.582	611.768.449
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.018.570.090	121.126.991
II	Nợ dài hạn	330		10.389.185.640	15.332.961.585
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334	17	9.282.078.000	14.206.840.700
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.107.107.640	1.126.120.885
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338			
9	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		432.083.873.664	363.229.037.675
I	Vốn chủ sở hữu	410	18	432.083.873.664	363.229.037.675
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.511.870.000	273.041.890.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		75.525.566.593	59.922.608.248
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(13.375.390.189)	(33.353.732.129)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		2.955.750.762	1.481.719.682
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		2.214.890.923	740.859.841
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.214.890.923	740.859.841
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.036.294.652	60.654.832.192
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1	Nguồn kinh phí	432			
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		613.348.487.744	520.006.091.500

4.2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010

ST T	Chỉ tiêu	M ã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	6
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	19	405.164.237.864	189.933.142.125
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	20	468.149.577	517.968.094
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	404.696.088.287	189.415.174.031
4	Giá vốn hàng bán	11	22	292.063.582.300	123.133.744.214
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		112.632.505.987	66.281.429.817
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9.867.623.048	9.713.351.492
7	Chi phí tài chính	22	24	23.904.009.738	16.349.025.537
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.446.656.411	4.716.801.018
8	Chi phí bán hàng	24		23.832.556.117	8.206.708.851
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.856.524.308	14.650.505.380
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.907.038.872	36.788.541.541
11	Thu nhập khác	31		496.141.814	194.888.376
12	Chi phí khác	32		549.402.578	791.246.221
13	Lợi nhuận khác	40		(53.260.764)	(596.357.845)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.853.778.108	36.192.183.696
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	15.039.978.312	8.146.741.926
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(635.798.098)	(1.435.179.861)
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		36.449.597.894	29.480.621.631
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			1.224	2.054

5.

5.1. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2010 (Theo phương pháp gián tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	50.853.778.081	36.192.183.696
2	Điều chỉnh cho các khoản			
	Khấu hao tài sản cố định	02	21.150.761.344	11.638.409.778
	Các khoản dự phòng	03	1.678.814.126	1.312.672.232
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(19.836.941)	(738.661.607)
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(42.329.877)	37.056.335
	Chi phí lãi vay	06	10.446.656.411	4.716.801.018
3	Lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	84.067.843.144	53.158.461.452
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(96.126.682.603)	(12.624.222.779)
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.161.375.739)	(10.835.292.552)
	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10.807.637.437	(20.313.584.850)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.269.861.569	(210.525.863)
	Tiền lãi vay đã trả	13	(10.446.656.411)	(3.290.461.366)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.246.541.695)	(949.139.133)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	784.631.894	13.505.541
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(101.738.869)	(534.977.899)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.153.021.272)	4.413.762.551
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và TSDH khác	21	(4.084.936.441)	(25.253.737.859)
2	Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		84.318.182
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15.242.000.000	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.329.877	39.657.885
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.199.393.436	(25.129.761.792)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp từ CSH	31	20.725.082.000	
2	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	257.423.566.028	125.579.165.691
3	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(252.768.235.170)	(102.006.126.855)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.380.412.858	23.573.038.836
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	3.426.785.022	2.857.039.595
	Tiền nhận về từ hợp nhất kinh doanh			5.920.455.844
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.686.504.094	1.915.572.107
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.836.941	(6.563.452)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	14.133.126.057	10.686.504.094

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**5.1. Kiểm toán độc lập****BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ QUÝ CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mirae (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 03/04/2011. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày theo các nguyên tắc kế toán, Luật kế toán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán quốc tế được chấp nhận chung tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập, trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý và đảm bảo rằng Công ty tuân thủ đúng pháp luật và các qui định hiện hành; ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định trong Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình lập báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không. Chúng tôi đã tiến hành lập kế hoạch kiểm toán nhằm đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mirae kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)**

Nguyễn Hồng Chuẩn
Giám đốc
Số chứng chỉ KTV: 1214/KTV

Hoàng Thị Hương
Kiểm toán viên
Số chứng chỉ KTV: 0571/KTV

5.2. Kiểm toán nội bộ:

Không có ý kiến.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**6.1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty**

Không có

6.2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ

Không có

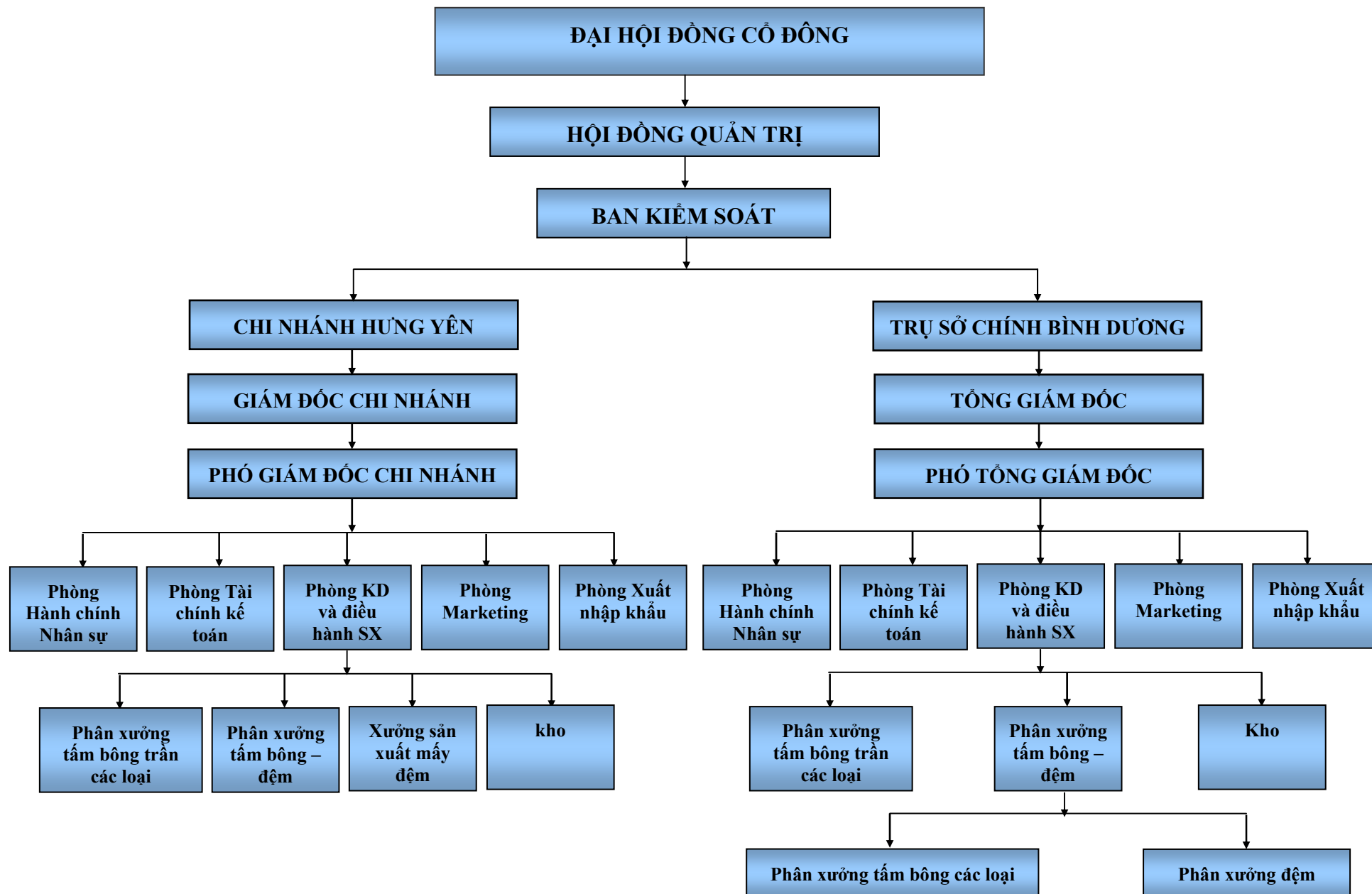
VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ**7.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty**

Công ty Cổ phần Mirae được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2007; điều chỉnh & bổ sung gần nhất vào ngày 07/07/2010.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



7.2. Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động

7.2.1. Số lượng cán bộ nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2010, tổng số lao động trong Công ty là 396 người. Cơ cấu lao động phân loại như sau:

TT	LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
I	Phân theo trình độ học vấn	396	100,00%
1	Trình độ đại học	19	4,80%
2	Cao đẳng và Trung cấp	12	3,03%
3	Công nhân kỹ thuật, trình độ sơ cấp	15	3,79%
4	Khác	350	88,38%
II	Phân loại theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	323	81,57%
2	Lao động gián tiếp	73	18,43%
	TỔNG CỘNG	396	

7.2.2. Chính sách đối với người lao động

🌈 Chế độ làm việc

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động.

Công ty giải quyết đầy đủ kịp thời các chế độ khác đối với người lao động như chế độ nâng lương, nâng bậc, chế độ ốm đau thai sản, chế độ nghỉ hưu và chăm lo việc hiếu hỉ cho cán bộ công nhân viên... Bên cạnh đó, công ty luôn quan tâm giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày làm việc/tuần với thời gian trung bình là 48 giờ/tuần. Mỗi ngày làm việc chia thành 2 ca, giờ làm việc gồm 8 tiếng làm chính và có thể 4 tiếng tăng ca tùy theo sức khỏe công nhân.

Hợp đồng lao động thông thường được ký theo lộ trình: 1-2 tháng thử việc, kỳ hạn 6 tháng, kỳ hạn 1 năm, dài hạn.

Công ty đặt trụ sở sản xuất tại Hưng Yên, do vậy đối với công nhân viên ở xa nơi làm việc, Công ty có xe đưa đón tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công nhân viên Công ty.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, trong định hướng phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng tới các giải pháp về nhân lực:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về mọi mặt, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, lao động với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao;
- Xây dựng chế độ bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp đối với đội ngũ chuyên gia trình độ cao. Công ty dự kiến lập quỹ tài chính, các loại giải thưởng, cải cách về chế độ tiền lương, chế độ cung cấp và tiếp cận thông tin, tạo mọi điều kiện vật chất, môi trường làm việc, các hoạt động chuyên môn và đời sống sinh hoạt cho đội ngũ tri thức, chuyên gia, nhân tài để họ yên tâm cống hiến tài năng trí tuệ phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Hàng năm tổ chức tuyển chọn và hỗ trợ kinh phí thích đáng để cử cán bộ công nhân viên có thành tích, triển vọng phát triển tốt và nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty trong những lĩnh vực cần thiết đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn tại Hàn Quốc;
- Kiện toàn bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo hướng tinh giảm tối đa, sắp xếp biên chế theo chức năng nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Tất cả các công nhân viên được tuyển dụng phải thông qua hình thức thi tuyển có quy chế rõ ràng, không tuyển dụng thông qua giới thiệu;
- Đảm bảo đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với mọi thành viên trong Công ty, tổ chức ký thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo Công ty và Công đoàn Công ty để bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Đối với cán bộ quản lý, Công ty xây dựng quy chế lương và được HĐQT phê duyệt. Lương của cán bộ quản lý gồm lương khoán theo chức danh, công việc và các khoản phụ cấp. Bên cạnh đó, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Hàng năm, Công ty họp xét khen thưởng căn cứ vào danh sách đề nghị khen thưởng của các phòng ban Công ty.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Công ty có chính sách phúc lợi hợp lý đối với người lao động. Ngoài việc chi trợ cấp khó khăn, chi phong trao văn hoá thể thao, bồi dưỡng công nhân viên nhân dịp lễ, Tết, chi ủng hộ..., Công ty chi trả cho công nhân viên theo mức lương cố định là 14 tháng lương/năm. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức cho công nhân viên đi tham quan, du lịch hàng năm. Những chính sách trên đã khuyến khích động viên kịp thời, gắn bó người lao động với Công ty.

NĂM	2009	2010
Mức lương bình quân (đồng/ng/tháng)	1.154.100	1.789.873
Thu nhập bình quân (đồng/ng/tháng)	1.830.000	2.730.000

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

8.1.1. Thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị

Ông Shin Young Sik	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Park Hee Sung	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Choi Young Ho	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Lim Jeong Jul	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Shin Dong Jin	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Kim Chul Soo	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Park Jong Chil	Thành viên Hội đồng quản trị (Đã từ nhiệm)
Ông Hong Seok Young	Thành viên Hội đồng quản trị (Đã từ nhiệm)

✚ Chủ tịch hội đồng quản trị

- Họ và tên : **SHIN YOUNG SIK**
- Hộ chiếu số: KN0878184; Ngày cấp: 17/8/2006; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1958
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0321.974 170
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1978 – Năm 1987	Trưởng Sỹ quan lục quân Seoul
Năm 1978 – Năm 1984	Trưởng Quản lý kinh tế Seoul

Năm 1980 – Năm 1987	Trung úy quân đội Seoul
Năm 1987 – Năm 1997	Phó giám đốc Công ty MOOLSAM, Seoul, Hàn Quốc
Năm 1998 – Năm 2007	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc công ty TNHH Mirae Fiber Tech, Seoul, Hàn Quốc
Năm 2001 – tháng 9 năm 2007	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mirae Fiber Hưng Yên.
10/2007 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae
- Số cổ phần nắm giữ: 6.982.847 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 6.982.847 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan:

Vợ : **LIM JEONG YUL**

Sinh ngày: 03/03/1962

Số hộ chiếu: SC0564461 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp

Quốc tịch: Hàn Quốc

Số cổ phần nắm giữ: 1.613.908 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **PARK HEE SUNG**
- Hộ chiếu số: KR0122474; Ngày cấp: 24/06/2005; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/02/1973
- Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: 02-802 KUMHO APT PARKDAL - 2 DONG MANANGU ANYANG CITY KYONGGIDO KORI

- Địa chỉ thường trú: (Kumho Apt. 102-802) 149-1. Bakdal 2-dong. Manangu. Anyang-Si. Gyeonggi-Do. Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.791 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1998 – Năm 2003

Trưởng phòng kinh doanh. Công ty Viko Glowin.
Hàn Quốc

Năm 2003 – Nay

Giám đốc kinh doanh – Công ty Cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

 **Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **CHOI YOUNG HO**
- Hộ chiếu số: SC2066027; ngày cấp: 24/4/2007; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/7/1968
- Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Sinsigaji APT 905-806, 313 Sinjeong 1 – dong, Yang Cheon – gu, Seoul, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (+84) 0321 974 170

- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1994 – Năm 2006 Trưởng phòng, phòng nghiên cứu công nghệ thực phẩm Seoul

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mirae Fiber.

Năm 2007 – nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản Công ty Cổ phần Mirae.
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 161.401 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 161.401 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 161.401 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

✚ Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **LIM JEONG YUL**
- Hộ chiếu số: TR0039790; Ngày cấp: 19/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1962
- Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Secho Gu, Seoul, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (+84) 0321.974 170
- Trình độ văn hoá: Đại học

- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, đơn vị công tác
Năm 1981 – Năm 1985	Đại học ngoại ngữ Anh văn, Seoul, Hàn Quốc
Năm 1985 – Năm 1986	Giáo viên trường trung học phổ thông Puchon, Hàn Quốc
Năm 1987 – Năm 2003	Làm việc tự do
Năm 2003 – Năm 2007	Giáo viên tại Canada
Tháng 10/2007 đến nay	Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 1.613.908 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 1.613.908 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan:
Chồng : **SHIN YOUNG SIK** (Như đã nêu trên)

Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **SHIN DONG JIN**
- Hộ chiếu số: 7172350; Ngày cấp: 05/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/11/1966
- Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Daegu, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: 169-12, Dae Bong Dong, Daegu, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0650 – 737 – 457

- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác :

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1994 – Năm 2003

Nhân viên phòng kinh doanh, Công ty Viko Glowin

Năm 2004 – Nay

Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mirae
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

 **Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **KIM CHUL SOO**
- Hộ chiếu số: KN0664913; ngày cấp: 2/7/2001; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1966
- Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul. Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: 101-1202. Dea-A Apt. Poong Nap Dong. Song Pa Gu. Seoul. Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0656 791 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, đơn vị công tác
Năm 1985 – Năm 1986	Nhân viên KOSDAQ. Phòng xuất hàng. Công ty World Wide Express & Tour
Năm 1986 – Năm 1989	Phục vụ Quân đội
Năm 1989 – Năm 1993	Phó giám đốc Công ty TNHH Poong Lim
Năm 1993 – Năm 1995	Phó giám đốc. phòng tài chính. Công ty Xây dựng và Điều hành máy móc
Năm 1995 – Năm 1997	Giám đốc Công ty TNHH Korea Symons
Tháng 11/1997 – Tháng 3/1998	Phó giám đốc. phòng kế toán. Công ty Korea Moolsan
Tháng 3/1998 – Tháng 7/2006	Trưởng phòng quản lý xuất nhập khẩu. Công ty Dong Yang Menics
Tháng 8/2005 – Tháng 5/2007	Giám Đốc Phòng quản lý Công ty Yeilbiotech
Tháng 9/2007– Nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Mirae

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 5.649 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 5.649 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **PARK JONG CHIL**
- Hộ chiếu số: KN0526761; ngày cấp: 28/01/2003; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/07/1968
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc

- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Trung Hòa, Nhân Chính, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0321. 3974170
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

1993 – 1995	Phó phòng Công ty Viko, Moolsan, Seoul, Hàn Quốc
1997 – 1998	Trưởng phòng Công ty Viko, Moolsan, Seoul, Hàn Quốc
1998 – 2003	Trưởng phòng Công ty dược phẩm Seoul, Hàn Quốc
2003 – 2006	Trưởng phòng Công ty Viko Glowin
09/2007 – nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Mirae Fiber

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Mirae Fiber
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **HONG SEOK YOUNG**
- Hộ chiếu số: SC2002482; ngày cấp: 12/12/2006; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/09/1981

- Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul. Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Seoul. Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650. 3737457
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

01/2001 – 06/2002	Kế toán viên Công ty Pisysco
02/2007 – 06/2007	Phiên dịch viên tại Infobelalus
2009 - 2010	Nhân viên Công ty cổ phần Mirae
02/2010 – nay	Trợ lý Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Trợ lý Giám đốc bộ phận Padding CTCP Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

8.1.2. Thành viên Ban giám đốc**Ban giám đốc**

Ông Shin Dong Sik	Tổng Giám đốc
Ông Shin Dong Jin	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kim Chul Soo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Park Jong Chil	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN Hưng Yên
Ông Choi Young Ho	Phó Tổng Giám đốc kiêm PGĐ CN Hưng Yên

 **Tổng Giám Đốc**

- Họ và tên : **SHIN YOUNG SIK**
- Chức vụ hiện nay: Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.
(Tham khảo tại điểm 8.1.1- Hội đồng quản trị)

 **Phó Tổng Giám Đốc**

- Họ và tên : **SHIN DONG JIN**
- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.
(Tham khảo tại điểm 8.1.1- Hội đồng quản trị)

 **Phó Tổng Giám Đốc**

- Họ và tên : **KIM CHUL SOO**
- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.
(Tham khảo tại điểm 8.1.1- Hội đồng quản trị)

 **Phó Tổng Giám Đốc**

- Họ và tên : **PARK JONG CHIL**
- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.
(Tham khảo tại điểm 8.1.1- Hội đồng quản trị)

 **Phó Tổng Giám Đốc**

- Họ và tên : **CHOI YOUNG HO**
- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.
(Tham khảo tại điểm 8.1.1- Hội đồng quản trị)

8.1.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Xuân Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát

 **Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ XUÂN THẢO**
- CMND số: 024542522; ngày cấp: 10/05/2006; nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/5/1974

- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 229/2A Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650 – 791 – 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Tháng 10/1999 – Tháng 5/2000	Nhân viên kế toán, Công ty Đông Nam
Tháng 6/2000 – Tháng 1/2003	Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Thiên Lộc
Tháng 5/2003 – Nay	Kế toán, Công ty Cổ phần Mirae, Bình Dương
Năm 2007 – Nay	Trưởng Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae
- Số cổ phần nắm giữ: 6.101 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 6.101 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **NGUYỄN THU HẰNG**
- Số CMTND: 271362913 cấp ngày 31/07/1998 tại Đồng Nai .
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/11/1978
- Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 6D – Tòa 6, Khu phố 1, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0650.791.038
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 2000 – 2002	Nhân viên kế toán Công Ty TNHH Viko Glowin
Năm 2002 – 2004	Nhân viên kinh doanh Công Ty TNHH Viko Glowin
Năm 2004 đến nay	Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát – Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 209.310 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 209.310 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

8.1.4. Kế toán trưởng

- Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC LIÊN**
- Số CMND: 145049620 cấp ngày 14/11/2006 tại Hưng Yên
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/08/1981
- Nơi sinh: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0321.974 170
- Trình độ văn hoá: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1999 – Tháng 6/2004	Nhân viên kế toán, Công ty cổ phần xây lắp Công nghiệp thực phẩm, Hà Nội
Tháng 7/2004 – Tháng 6/2007	Nhân viên kế toán, Công ty Cổ phần Hà Phát, Hưng Yên
Tháng 7/2007 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 55.519 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 55.519 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

8.2. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Trong năm 2010. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhận thù lao tổng cộng là 228.000.000 đồng, chi tiết như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 VND/tháng/người
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 VND/tháng/người
- Trưởng BKS: 2.000.000 VND/tháng/người
- Thành viên BKS: 2.000.000 VND/tháng/người.

8.3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn đến 03/2011:**8.3.1. Cơ cấu cổ đông của Doanh nghiệp**

Cơ cấu cổ đông của KMR ngày 24/03/2011:

STT	Cơ cấu vốn	Số lượng CP	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	TRONG NƯỚC	13.944.460	139.444.600.000	42,97%
1	Cá nhân	12.068.204	120.682.040.000	37,19%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0,00%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	12.068.204	120.682.040.000	37,19%
2	Tổ chức	1.876.256	18.762.560.000	5,78%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	1.665.574	16.655.740.000	5,13%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	210.682	2.106.820.000	0,65%
II	NƯỚC NGOÀI	16.936.936	169.369.360.000	52,19%
1	Cá nhân	10.681.458	106.814.580.000	32,92%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	6.982.847	69.828.470.000	21,52%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	3.698.611	36.986.110.000	11,40%
2	Tổ chức	6.255.478	62.554.780.000	19,28%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	5.562.414	55.624.140.000	17,14%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	693.064	6.930.640.000	2,14%
III	CỔ PHIẾU QUỸ	1.569.791	15.697.910.000	4,84%
	Tổng Cộng	32.451.187	324.511.870.000	100,00%

8.3.2. Thông tin về cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ
1	MIRAE FIBER TECH CO. LTD	Yoksam heights 1807-1806. 642-19 Yoksam-dong. Kangnam-ku. Seoul. Hàn Quốc	5.562.414	17,14%
2	SHIN YOUNG SIK	Dong-A @103-508. Jamwon- Dong. Seocho Gu. Seoul. Korea	6.982.847	21,51%
3	CTCP Chứng khoán Bản Việt	67, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	1.665.574	5,13%
TỔNG			14.210.835	43,79%

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1. Các hoạt động xã hội**

Ngoài công tác chăm lo đời sống cho nhân viên của Công ty, Phòng nhân sự của Công ty còn giúp cho Ban lãnh đạo và nhân viên công ty thực hiện các công tác xã hội và công tác từ thiện. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi quyên góp hỗ trợ cho Trung Tâm Nhân Đạo Quê Hương. Năm 2010, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội như năm 2009: cung cấp chăn, ra, gối đệm cho các trẻ em mồ côi tại Trung Tâm. Các lãnh đạo người hàn Quốc của Công ty cũng giúp kêu gọi sự quan tâm, giúp đỡ cho Trung Tâm từ phía các đối tác, các tổ chức nhân đạo tại Hàn Quốc.

9.2. Các hoạt động đối ngoại với Nhà đầu tư

Với mục tiêu phát triển vì lợi ích của toàn thể các cổ đông, Công ty đã thường xuyên cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động và các kế hoạch phát triển trên website công ty, các phương tiện thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, các báo, đài ...

Công ty cũng từng tổ chức các hội thảo đầu tư, hội thảo khách hàng về cơ hội đầu tư của Doanh nghiệp. Đến dự hội thảo ngoài các cổ đông, các nhà đầu tư, còn có các phóng viên của các báo, đài, các chuyên viên phân tích của các công ty chứng khoán. Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp thông tin và giải đáp các câu hỏi của cổ đông liên quan đến hoạt động đầu tư vào Công ty cổ phần Mirae, các kế hoạch phát triển và đặc biệt là kế hoạch phát hành và niêm yết cổ phiếu trên sàn KOSDAQ – Hàn Quốc. Hội thảo đã giúp các nhà đầu tư hiểu rõ và tin tưởng hơn vào các kế hoạch phát triển của Công ty.

Bình Dương, Ngày 25 tháng 04 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK HN

SHIN YOUNG SIK